

Bản án số: 210/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - 1. Ông Hoàng Ngọc Hải
 - 2. Bà Đỗ Thị Vân
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thu Hằng - Thư ký Tòa án Tòa án ND huyện Hoàng Hóa
- *Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:*

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1997. Có mặt
Địa chỉ: thôn N, xã Hoàng Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.
- 2. Bị đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm 1993. Vắng mặt
Địa chỉ: thôn Ng, xã Hoàng Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2022, bản tự khai ngày 03/6/2022 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn chị Lương Thị T thể hiện:

Tôi (T) và anh Lê Văn S tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016 được UBND xã Hoàng Ph, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có hạnh phúc và không có con chung. Vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho tôi xin được ly hôn với anh Lê Văn S.

Về con: Vợ chồng tôi chưa có con chung, hiện nay tôi không có thai nghén gì.

Về tài sản và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/6/2022 anh Lê Văn S thể hiện:

Về hôn nhân: Tôi (S) và chị Lương Thị T tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã Hoàng Ph, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2016. Sau khi cưới chúng tôi sống chung với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng chúng tôi không có con chung. Nay cô T làm đơn xin ly hôn, quan điểm của tôi đồng ý ly hôn.

Về con: Vợ chồng tôi chưa có con chung.

Về tài sản và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện. Các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Lương Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn S. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS xác định chị T là nguyên đơn, anh S là bị đơn.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Anh Lê Văn T có địa chỉ tại xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Lương Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn S nên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc lĩnh vực dân sự.

Tại phiên tòa ngày 12/7/2022, bị đơn anh Lê Văn S vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên HĐXX hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh S vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Lê Văn S kết hôn với nhau năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Hoàng Ph, huyện Hoàng Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau hòa thuận một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có con chung, nên dần thường xuyên cãi nhau, anh chị đã có thời gian sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh S và chị T đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của anh, chị thực sự

không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2.2] Về con: Chị Lương Thị T và anh Lê Văn S chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản: Chị Lương Thị T và anh Lê Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lương Thị T và anh Lê Văn S.

Về án phí: Chị Lương Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/ 0010843 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa. Chị T đã thi hành xong.

Nguyên đơn chị Lương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Lê Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. Hoằng Hóa;
- Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã Hoằng Ph;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Phương

